

BỘ Y TẾ
MINISTRY OF HEALTH OF VIETNAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
INSTITUTE OF DRUG QUALITY CONTROL HO CHI MINH CITY



CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH
Certificate of Analysis

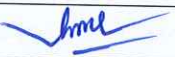


Tên dược liệu <i>Herbal Material name</i>	Xuyên khùng <i>Chuanxiong Rhizoma</i> Thân rễ đã làm khô của cây Xuyên khùng (<i>Ligusticum Chuanxiong</i> Hort.), Họ Hoa tán (Apiaceae)/ <i>The dried rhizome of Chuanxiong (Ligusticum Chuanxiong Hort.), Apiaceae family.</i>		
Số lô <i>Lot No.</i>	140-C0826A	Quy cách đóng gói <i>Pack size</i>	Gói 10 g/ 10 g sachet
Mục đích sử dụng <i>Intended use</i>	Sử dụng làm dược liệu đối chiếu trong phép thử định tính bằng phương pháp sắc ký lớp mỏng/ <i>Used as a reference standard for identification by thin-layer chromatography.</i>		
Quy trình đánh giá <i>Procedure</i>	Dược điển Việt Nam VI <i>Vietnamese Pharmacopoeia VI</i>	Ngày ban hành <i>Date of issuance</i>	14/08/2026
Liên kết chuẩn <i>Traceability</i>	Dược liệu chuẩn Xuyên khùng, Desite, Lô: DSTYC002501 <i>Chuanxiong Rhizoma reference drug, Desite, Lot. DSTYC002501.</i> Chất chuẩn acid ferulic, IDQC, Lô: QT355 0225, hàm lượng 99,6 % $C_{10}H_{10}O_4$, nguyên trạng/ <i>Ferulic acid reference standard, IDQC HCM, Lot No. QT355 0225, content 99.6 % $C_{10}H_{10}O_4$, calculated on the "as is" basis.</i>		
Chỉ tiêu/ Specification	Mức chất lượng/ Acceptance criteria	Kết quả/ Result	
Mô tả/ Description	Thân rễ có hình khối méo mó, chiều dài từ 4 cm đến 5 cm, đường kính từ 2,5 cm đến 4,0 cm với nhiều vân ngang dạng nốt sần. Đoạn trên của thân rễ gồm 1 - 2 đốt, mặt hơi lõm xuống và nhiều nếp nhăn dọc đều đặn. Vỏ ngoài có màu vàng nâu, bên trong màu trắng ngà; thể cứng, khó bẻ gãy; mùi thơm đặc trưng, vị cay và hơi tê/ <i>Rhizomes are irregularly nodular masses, measuring 4-5 cm in length and at 2.5 - 4.0 cm diameter with numerous nodular horizontal striations. The upper portion consists of 1 - 2 nodes, with a slightly depressed top surface and regular longitudinal wrinkles. The outer surface is yellowish-brown, and the interior is off-white. Texture is hard and difficult to break. Odor, characteristically aromatic; taste, pungent and slightly numbing.</i>	Đạt/ Pass	
Vi phẫu/ Transverse section	Đặc điểm vi phẫu theo chuyên luận Xuyên khùng. <i>As described in the monograph of Chuanxiong Rhizoma.</i>	Phù hợp/ Complies	
Bột/ Powder	Thể hiện các đặc điểm bột của dược liệu Xuyên khùng/ <i>Exhibit the microscopic characteristics of Chuanxiong Rhizoma.</i>	Đúng/ Positive	

Địa chỉ/ Address: 200 Cô Bắc, Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh
200 Co Bac, Cau Ong Lanh Ward, Ho Chi Minh City

Thông tin về dược liệu chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ/ Standard information of medicinal herbs can be accessed at the following address: <https://vienkiemnghiem.gov.vn/chat-chuan-doi-chieu/>

Định tính/Identification <i>Phản ứng hóa học</i> <i>Chemical test</i>	Thể hiện các đặc điểm phản ứng hóa học của dược liệu Xuyên khung/ <i>Positive for Chuanxiong Rhizoma characteristics.</i>	Đúng <i>Positive</i>
<i>Sắc ký lớp mỏng</i> <i>Thin-layer chromatography</i>	Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết cùng màu sắc và giá trị R_f với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu chuẩn Xuyên khung/ <i>The chromatogram of the test solution exhibits spots corresponding in color and R_f value to the spots in the chromatogram of the Chuanxiong Rhizoma reference drug spot.</i>	Đúng <i>Positive</i>
Độ ẩm/ Loss on drying	Không quá 13,0 %/ <i>Not more than 13.0 %.</i>	12,0 %
Tro toàn phần/ Total ash	Không quá 6,0 % / <i>Not more than 6.0 %.</i>	4,5 %
Chất chiết được trong dược liệu/ Extractives Phương pháp chiết nóng, ethanol 96 %/ <i>Hot extraction using 96 % ethanol</i>	Không được ít hơn 9,0 % tính theo dược liệu khô kiệt <i>Not less than 9.0 % calculated on the dried drug.</i>	31,0 %
Định lượng/ Assay <i>Phương pháp HPLC</i> <i>HPLC method</i>	Không ít hơn 0,05 % acid ferulic ($C_{10}H_{10}O_4$) tính theo dược liệu khô kiệt/ <i>Not less than 0.05 % Acid ferulic ($C_{10}H_{10}O_4$) calculated with reference to the dried drug.</i>	Đạt (0,31 %)
Tạp chất và mốc mọt/ Foreign matter, mold and insects	Không được có/ <i>Not detected.</i>	0,0 %
Hướng dẫn sử dụng/ Instruction	Không sấy trước khi dùng/ <i>Do not dry before use</i>	
Điều kiện bảo quản/ Storage condition	Nhiệt độ $25\text{ }^{\circ}\text{C} \pm 5\text{ }^{\circ}\text{C}$, độ ẩm $\leq 75\%$ / <i>Store at $25\text{ }^{\circ}\text{C} \pm 5\text{ }^{\circ}\text{C}$, humidity $\leq 75\%$.</i>	
Điều kiện vận chuyển/ Transport condition	Đảm bảo tính nguyên vẹn của bao bì/ <i>Ensure the integrity of the packaging.</i>	

Kiểm tra định kỳ <i>Retest</i>		
Ngày kiểm tra <i>Analysis date</i>	Hạn dùng <i>Expiry date</i>	Phụ trách Khoa <i>Head of department</i>
	08/2028	

HCMC, Ngày/ *Date*: 14/08/2026

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vice Director



Nguyễn Thanh Hà

Địa chỉ/ *Address*: 200 Cô Bắc, Phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh
200 Co Bac, Cau Ong Lanh Ward, Ho Chi Minh City

Thông tin về dược liệu chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ/ *Standard information of medicinal herbs can be accessed at the following address*: <https://vienkiemnghiem.gov.vn/chat-chuan-doi-chieu/>